CTCP Sữa Quốc Tế Lof (UPCOM: IDP)

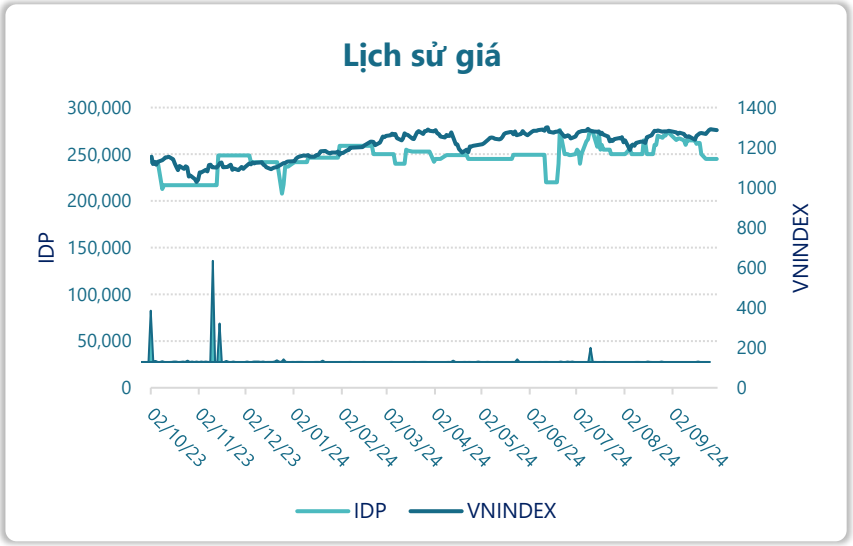

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**245,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	276,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	207,833
SL cổ phiếu LH	61,804,472
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,655
% sở hữu nước ngoài	13.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,142
P/E	15.2
EPS	16,135

DT thuần

Q3/24

2,048

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 118| 6.1%

YoY: ▲ 402| 24.4%

LN sau thuế

Q3/24

300

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0| 4.0%

YoY: ▲ 45.0| 17.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

19.0%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

9T 2024

5,563

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 585| 11.7%

LN sau thuế

9T 2024

811

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103| 14.6%

ROE

Q3/24

32.1%

+/- YoY: ▼ 6.0%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

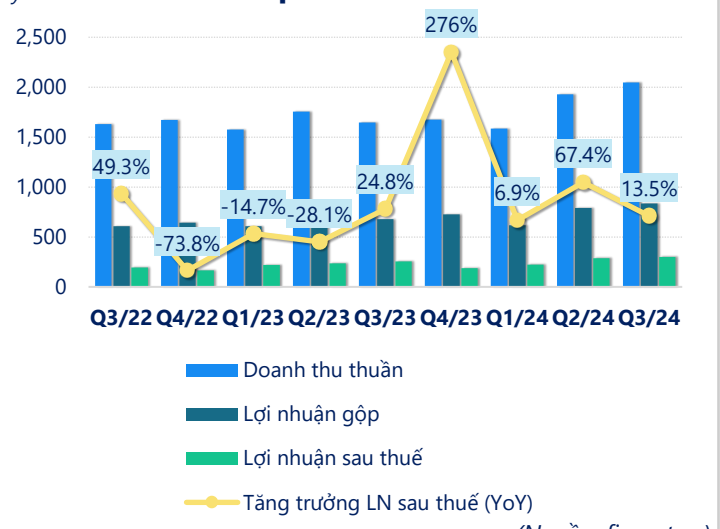

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

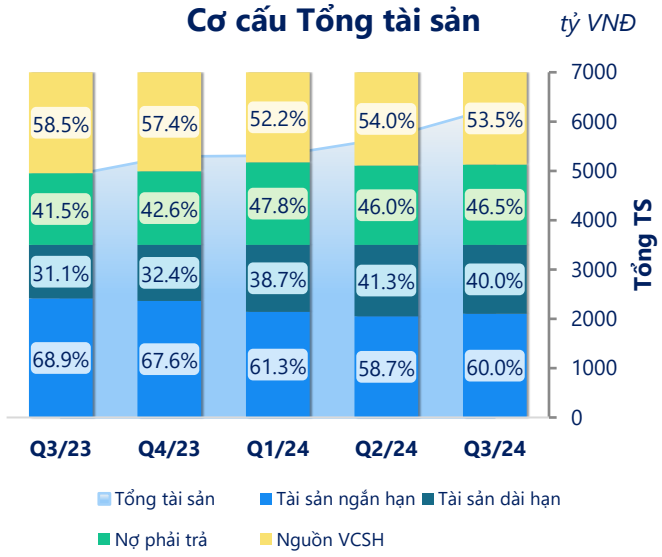

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

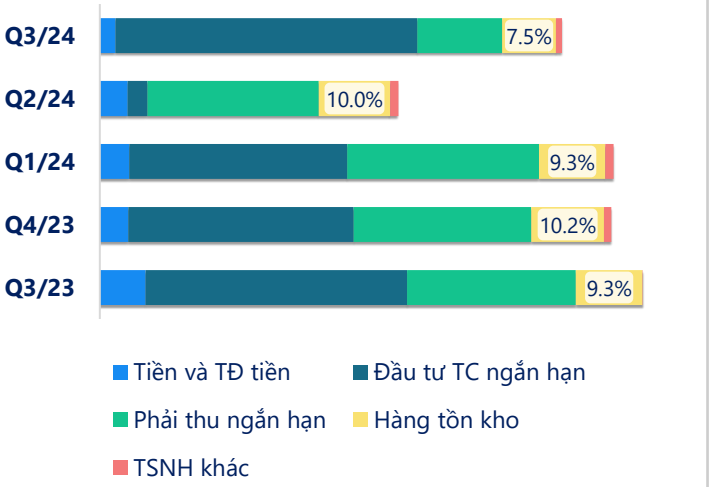

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

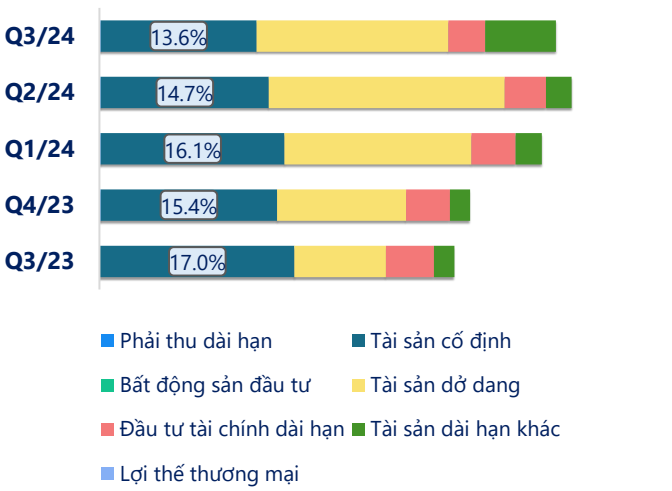

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

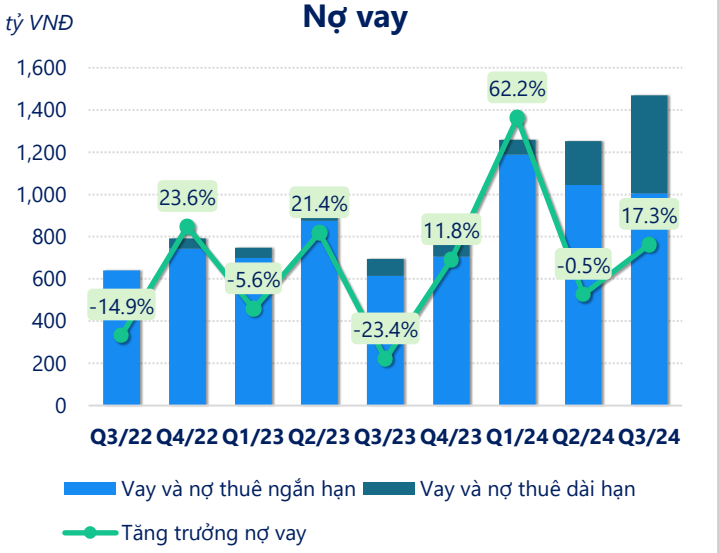

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

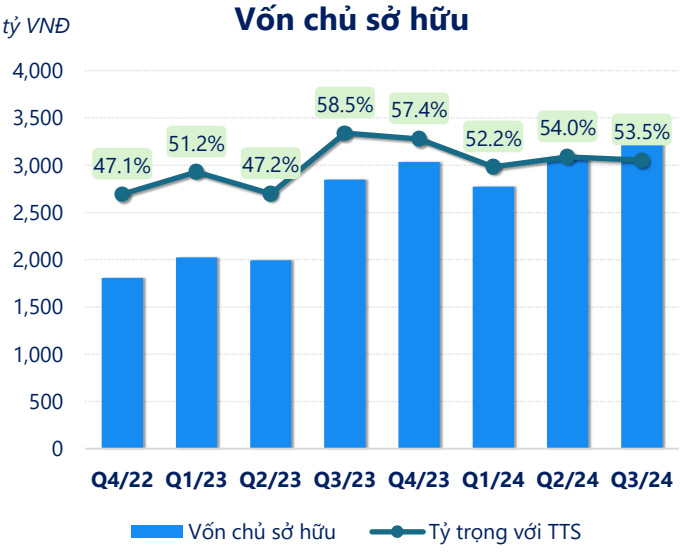

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

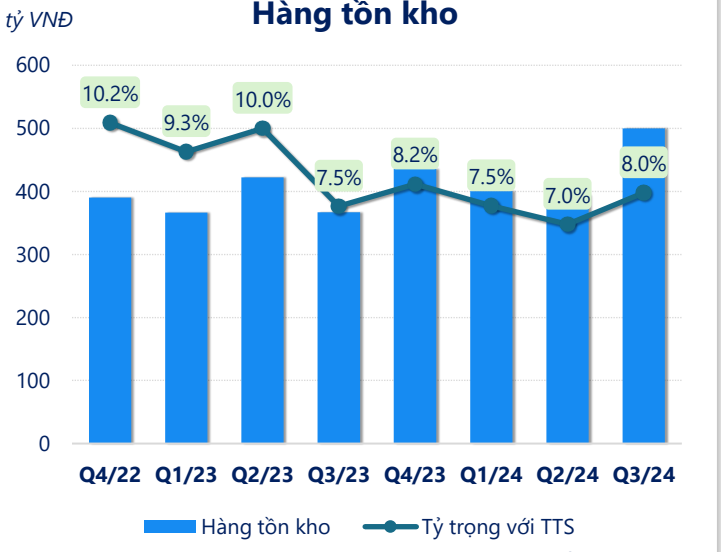

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

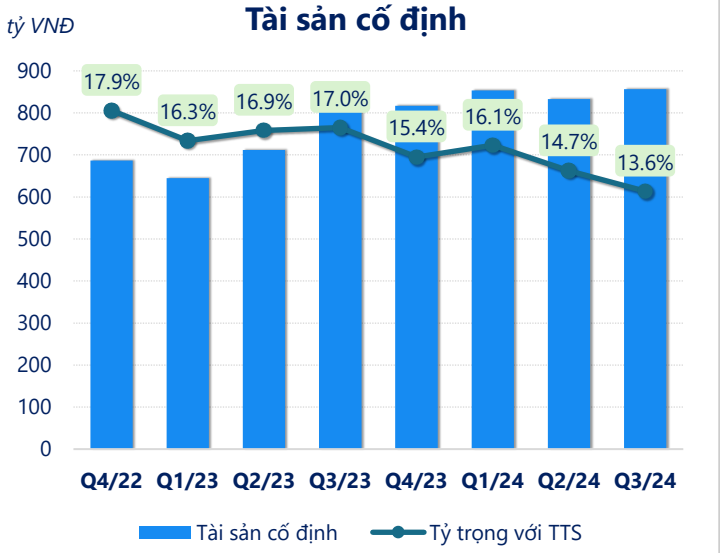

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

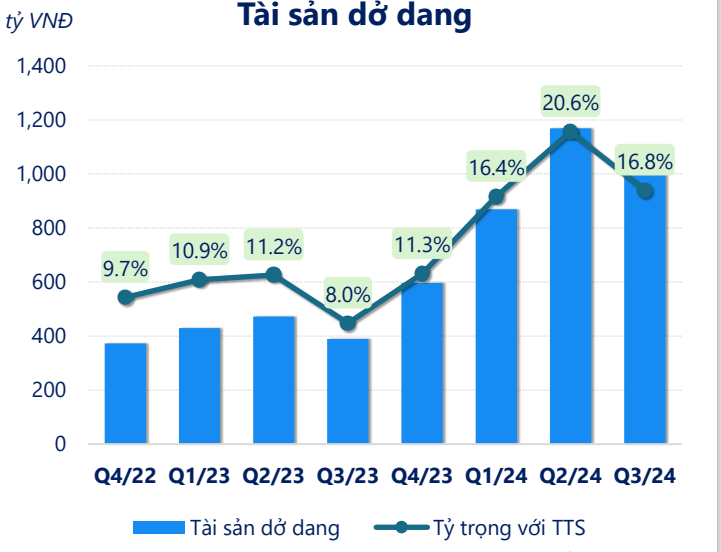

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

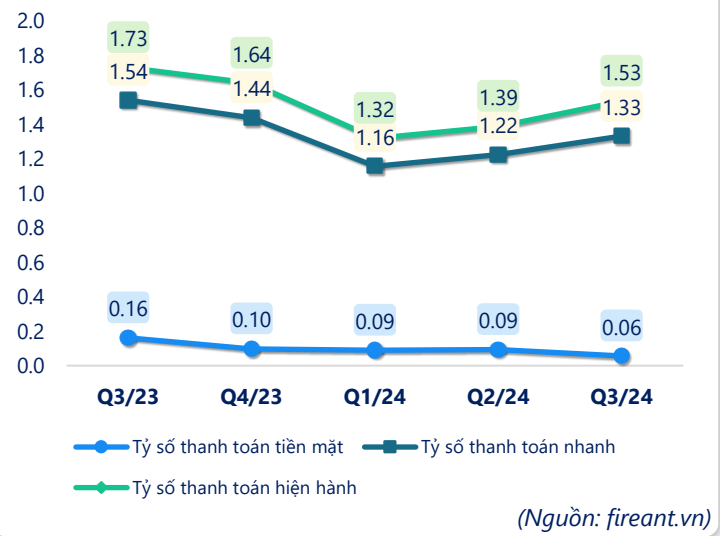

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

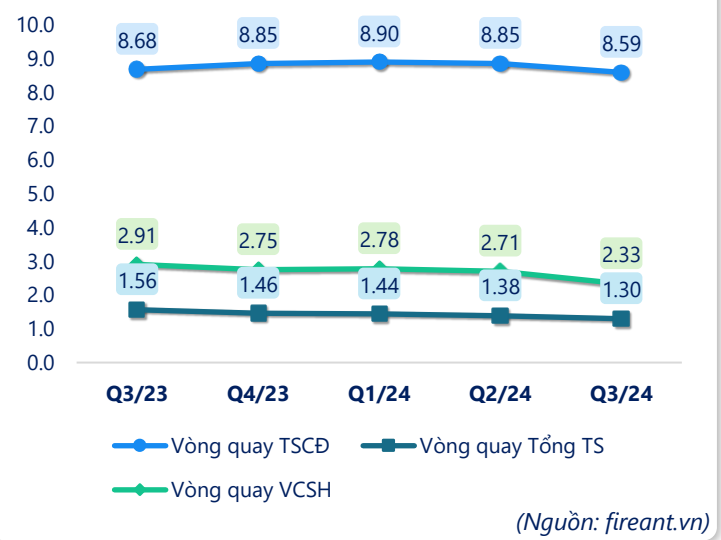

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**4,873**	**5,288**	**5,311**	**5,661**	**6,282**
Tài sản ngắn hạn	**3,359**	**3,573**	**3,255**	**3,322**	**3,772**
Tiền và tương đương tiền	313	212	220	222	138
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,059	2,048	1,754	1,385	1,641
Phải thu ngắn hạn	579	816	800	1,215	1,366
Hàng tồn kho	367	435	401	394	500
Tài sản ngắn hạn khác	41.4	61.1	80.8	105	128
Tài sản dài hạn	**1,513**	**1,715**	**2,056**	**2,339**	**2,510**
Phải thu dài hạn	2.93	5.51	6.53	6.47	6.91
Tài sản cố định	829	817	853	833	857
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	389	596	869	1,169	1,054
Đầu tư tài chính dài hạn	205	204	204	204	203
Tài sản dài hạn khác	87.5	92.6	123	127	389
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,024**	**2,254**	**2,540**	**2,601**	**2,923**
Nợ ngắn hạn	**1,944**	**2,182**	**2,470**	**2,393**	**2,460**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	614	705	1,189	1,045	1,005
Phải trả người bán ngắn hạn	589	737	689	687	814
Nợ dài hạn	80.4	71.4	70.2	208	463
Vay và nợ thuê dài hạn	80.4	71.4	70.2	208	463
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,848**	**3,035**	**2,771**	**3,059**	**3,359**
Vốn chủ sở hữu	**2,848**	**3,035**	**2,771**	**3,059**	**3,359**
Vốn điều lệ	614	614	618	618	618
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)